

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về thông số kỹ thuật độ sâu khu nước trước Cầu cảng Bãi Vòng
của Công ty Cổ phần Hòa Bình Hàm Ninh

KGG – 01 – 2020

Vùng biển: Tỉnh Kiên Giang.

Tên luồng: Luồng vào Cầu cảng Bãi Vòng - Phú Quốc

Căn cứ Đơn đề nghị số 53/HBHN ngày 03/01/2020 của Công ty Cổ phần Hòa Bình Hàm Ninh về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải độ sâu khu nước trước Cầu cảng Bãi Vòng và theo đề nghị của Trưởng phòng An toàn hàng hải,

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo:

1. Trong phạm vi khu nước vũng quay tàu có đường kính $D=200m$, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
BP2	$10^{\circ}08'41,4''$ N	$104^{\circ}02'16,8''$ E	$10^{\circ}08'37,8''$ N	$104^{\circ}02'23,2''$ E
BP3	$10^{\circ}08'43,9''$ N	$104^{\circ}02'18,0''$ E	$10^{\circ}08'40,3''$ N	$104^{\circ}02'24,5''$ E
BP4	$10^{\circ}08'47,7''$ N	$104^{\circ}02'16,8''$ E	$10^{\circ}08'44,1''$ N	$104^{\circ}02'23,2''$ E
KN1	$10^{\circ}08'48,1''$ N	$104^{\circ}02'15,9''$ E	$10^{\circ}08'44,5''$ N	$104^{\circ}02'22,4''$ E
KN2	$10^{\circ}08'46,5''$ N	$104^{\circ}02'10,9''$ E	$10^{\circ}08'42,9''$ N	$104^{\circ}02'17,4''$ E
BT4	$10^{\circ}08'45,6''$ N	$104^{\circ}02'10,5''$ E	$10^{\circ}08'42,0''$ N	$104^{\circ}02'17,0''$ E
BT3	$10^{\circ}08'41,8''$ N	$104^{\circ}02'11,8''$ E	$10^{\circ}08'38,2''$ N	$104^{\circ}02'18,3''$ E
BT2	$10^{\circ}08'40,6''$ N	$104^{\circ}02'14,3''$ E	$10^{\circ}08'37,0''$ N	$104^{\circ}02'20,7''$ E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 3,34m.

2. Trong phạm vi khu nước trước bến 600T giảm tải cầu chữ T, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
KN1	$10^{\circ}08'48,1''$ N	$104^{\circ}02'15,9''$ E	$10^{\circ}08'44,5''$ N	$104^{\circ}02'22,4''$ E
BP5	$10^{\circ}08'48,7''$ N	$104^{\circ}02'14,7''$ E	$10^{\circ}08'45,1''$ N	$104^{\circ}02'21,1''$ E
BT5	$10^{\circ}08'47,7''$ N	$104^{\circ}02'11,6''$ E	$10^{\circ}08'44,1''$ N	$104^{\circ}02'18,0''$ E
KN2	$10^{\circ}08'46,5''$ N	$104^{\circ}02'10,9''$ E	$10^{\circ}08'42,9''$ N	$104^{\circ}02'17,4''$ E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 3,27m.

3. Trong phạm vi khu nước trước bến bổ sung số 1, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
BT4	$10^{\circ}08'45,6''$ N	$104^{\circ}02'10,5''$ E	$10^{\circ}08'42,0''$ N	$104^{\circ}02'17,0''$ E
BT5	$10^{\circ}08'47,7''$ N	$104^{\circ}02'11,6''$ E	$10^{\circ}08'44,1''$ N	$104^{\circ}02'18,0''$ E



K1	10 ⁰ 08'47,9" N	104 ⁰ 02'12,0" E	10 ⁰ 08'44,2" N	104 ⁰ 02'18,5" E
K2	10 ⁰ 08'48,2" N	104 ⁰ 02'11,9" E	10 ⁰ 08'44,6" N	104 ⁰ 02'18,4" E
K3	10 ⁰ 08'48,4" N	104 ⁰ 02'12,5" E	10 ⁰ 08'44,8" N	104 ⁰ 02'19,0" E
K4	10 ⁰ 08'48,7" N	104 ⁰ 02'12,4" E	10 ⁰ 08'45,1" N	104 ⁰ 02'18,9" E
K5	10 ⁰ 08'48,8" N	104 ⁰ 02'12,7" E	10 ⁰ 08'45,2" N	104 ⁰ 02'19,1" E
K6	10 ⁰ 08'51,6" N	104 ⁰ 02'11,7" E	10 ⁰ 08'48,0" N	104 ⁰ 02'18,2" E
K10	10 ⁰ 08'50,7" N	104 ⁰ 02'08,8" E	10 ⁰ 08'47,1" N	104 ⁰ 02'15,3" E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 2,58m.

4. Trong phạm vi khu nước trước bến bổ sung số 2 và bến bổ sung số 3, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
BP4	10 ⁰ 08'47,7" N	104 ⁰ 02'16,8" E	10 ⁰ 08'44,1" N	104 ⁰ 02'23,2" E
BP5	10 ⁰ 08'48,7" N	104 ⁰ 02'14,7" E	10 ⁰ 08'45,1" N	104 ⁰ 02'21,1" E
K11	10 ⁰ 08'48,6" N	104 ⁰ 02'14,2" E	10 ⁰ 08'45,0" N	104 ⁰ 02'20,7" E
K12	10 ⁰ 08'48,9" N	104 ⁰ 02'14,1" E	10 ⁰ 08'45,3" N	104 ⁰ 02'20,6" E
K13	10 ⁰ 08'48,7" N	104 ⁰ 02'13,5" E	10 ⁰ 08'45,1" N	104 ⁰ 02'19,9" E
K14	10 ⁰ 08'53,4" N	104 ⁰ 02'11,9" E	10 ⁰ 08'49,8" N	104 ⁰ 02'18,3" E
K15	10 ⁰ 08'54,3" N	104 ⁰ 02'14,5" E	10 ⁰ 08'50,7" N	104 ⁰ 02'21,0" E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 2,43m.

5. Trong phạm vi khu nước trước bến du thuyền, được giới hạn bởi các điểm có tọa độ:

Tên điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)	Vĩ độ (φ)	Kinh độ (λ)
K7	10 ⁰ 08'51,5" N	104 ⁰ 02'11,5" E	10 ⁰ 08'47,9" N	104 ⁰ 02'18,0" E
K8	10 ⁰ 08'53,9" N	104 ⁰ 02'10,7" E	10 ⁰ 08'50,3" N	104 ⁰ 02'17,2" E
K9	10 ⁰ 08'53,6" N	104 ⁰ 02'09,8" E	10 ⁰ 08'50,0" N	104 ⁰ 02'16,2" E
K10	10 ⁰ 08'50,7" N	104 ⁰ 02'08,8" E	10 ⁰ 08'47,1" N	104 ⁰ 02'15,3" E

- Độ sâu nhỏ nhất bằng mét tính từ mực nước số "0" Hải đồ đạt 2,06m.

6. Trong phạm vi khảo sát rà quét chướng ngại vật được giới hạn bởi các điểm có tọa độ nêu trên không phát hiện chướng ngại vật nguy hiểm.

Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ ký hiệu BVHNPQ, tỷ lệ 1/500, BVRQBV, tỷ lệ 1/500 do Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Công trình Giao thông Đường thủy Quang Minh đo đạc hoàn thành tháng 12 năm 2019.

Để biết thêm thông tin chi tiết liên hệ với Công ty Cổ phần Hòa Bình Hàm Ninh ⁽¹⁾.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang;
- Công ty Thông tin điện tử Hàng hải;
- Lãnh đạo Tổng công ty BDATHH miền Nam;
- website www.vms-south.vn;
- Phòng: KTKH, KT, HTQT & QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH^{Nâng}.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Tuấn Anh

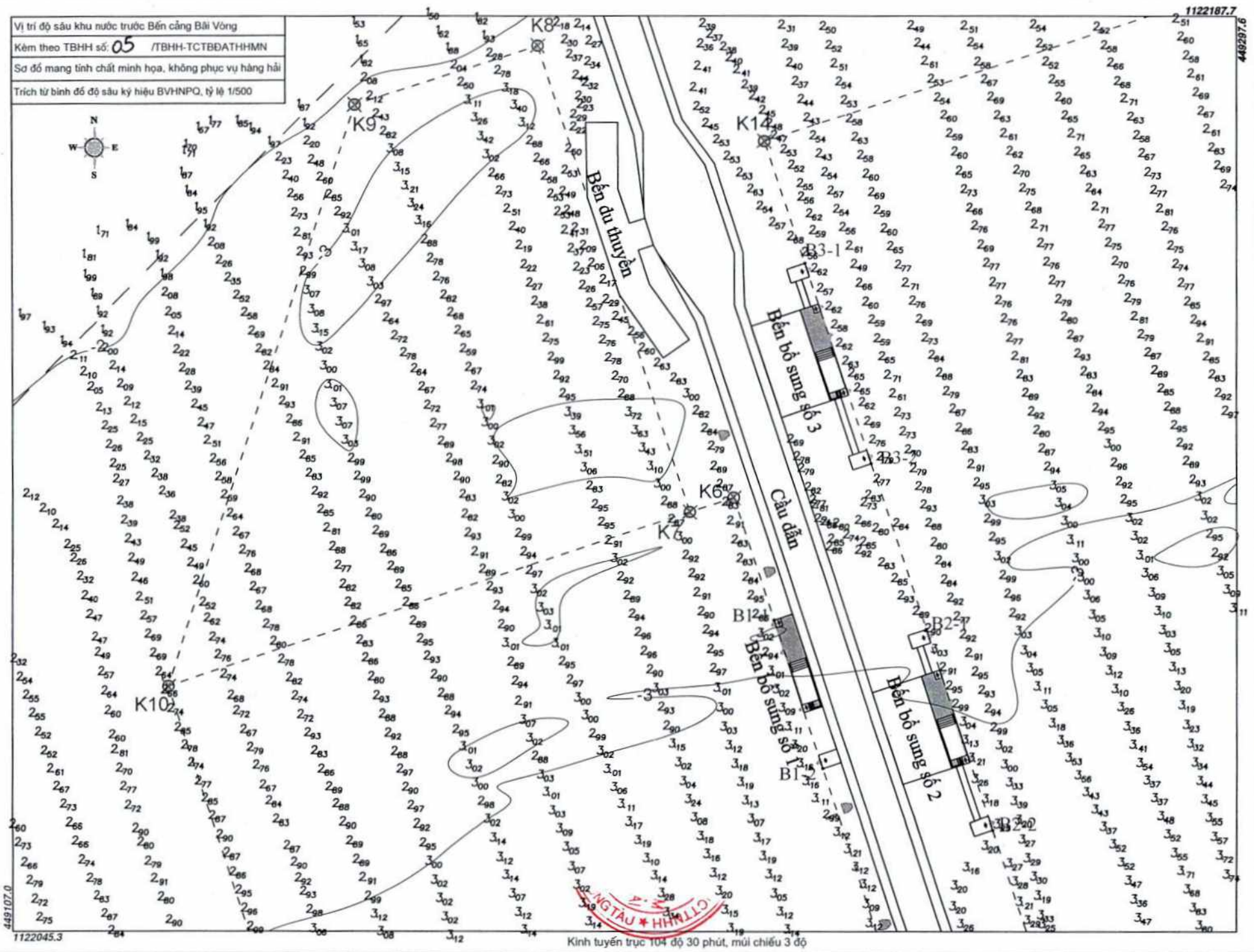
(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 3 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam
- 4 Cục Cảnh sát biển
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu KV miền Nam
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Cty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Cty Vận tải biển Container Vinalines (VCSC)
 - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Cty CP Hàng hải Đông Đo (Dong Do MARINE)
 - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác LĐ Quốc tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP hàng hải Vinalines Nha Trang
- 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 10 Đài thông tin Duyên hải Kiên Giang.
- 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 13 Cty Vận tải và thuê tàu biển VN (Vitranchart)
- 14 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 15 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 16 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 17 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 18 Trường Cao đẳng nghề Hàng hải TP.HCM
- 19 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 20 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ
- 21 XN Khảo sát hàng hải miền Nam
- 22 XN Tàu dịch vụ dầu khí
- 23 XN Liên doanh dầu khí Việt Xô
- 24 XN Trực Vớt Cứu Hộ Vận Tải I
- 25 Công ty Phương Nam – Bộ Quốc Phòng
- 26 Cty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải KV V
- 27 Sở GTVT & Sở NN&PTNN tỉnh Kiên Giang
- 28 Bộ đội biên phòng tỉnh Kiên Giang
- 29 Công ty Cổ phần Hòa Bình Hàm Ninh

0137
IG
BẢO Đ
ANG H
AM
RIAV

Vị trí độ sâu khu nước trước Bến cảng Bãi Vòng
 Kèm theo TBHH số: 05 /TBHH-TCTBDATHHM
 Sơ đồ mang tính chất minh họa, không phục vụ hàng hải
 Trích từ bình đồ độ sâu ký hiệu BVHNPO, tỷ lệ 1/500



1122045.3

Kinh tuyến trực 104 độ 30 phút, mũi chiều 3 độ

1122187.7
 449297.6